

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-PT
Ngày: 17/6/2022
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Hà

Các Thẩm phán: Ông Ngô Chìu

Bà Đậu Thị Quy

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ T An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa xét xử phúc thẩm số 56/2022/TB-DS ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Thanh S, sinh năm 1964; Địa chỉ: 27 Đ, phường 1, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ông Lê Văn Th, sinh năm 1982; Địa chỉ: thôn K, xã HXD, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2 Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn L, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S trình bày: Ngày 19/7/2011, bà S có bán cho bị đơn bà Trần Thị Thanh T 01 chiếc xe

gắn máy hiệu Suvina, số khung 001990, số máy 231990 còn nợ lại số tiền 9.000.000 đồng, cam kết trả góp trong thời hạn 10 tháng, mỗi tháng góp 900.000 đồng theo hợp đồng trả góp xe máy và giấy cam kết nhận nợ mua xe trả góp ngày 19/7/2011. Từ ngày mua xe cho đến nay bị đơn bà T chưa trả khoản tiền nào nên nguyên đơn bà S khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C phải trả số tiền nợ gốc 9.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 3% tính từ ngày mua xe cho đến khi trả nợ xong. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu bà T và ông C phải trả số tiền nợ gốc 9.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 1,125%/tháng tính từ ngày mua xe cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn bà Trần Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C vắng mặt nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Th trình bày: Ông là nhân viên của Doanh nghiệp Thanh S chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, ông được bà Hồ Thị Thanh S ủy quyền đứng tên trên các giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì ông sẽ liên hệ Phòng cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông không phải là chủ sở hữu các xe mô tô ở Doanh nghiệp tư nhân Thanh S bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà Hồ Thị Thanh S giữ).

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 79/2021/DS-ST ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 95, 96, 227, 228 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ thị Thanh S tại đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2012 về việc yêu cầu bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn C trả số tiền 21.484.125 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn một trăm hai mươi lăm đồng) (trong đó nợ gốc 9.000.000 đồng, nợ lãi 12.484.125 đồng) về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S có đơn trình bày giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không chấp nhận việc Tòa án xét xử dân sự, đề nghị tạm hoãn xét xử chuyển hồ sơ cho Cơ quan Công an xử lý hình sự đối với bị đơn vì bỏ trốn không trả nợ cho nguyên đơn.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, không trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan Công an khởi tố hình sự đối với bà Trần Thị Thanh T của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S không thuộc phạm vi giải quyết trong vụ án dân sự, không xem là yêu cầu kháng cáo. Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của nguyên đơn. Tại đơn kháng cáo, ngoài yêu cầu chuyển hồ sơ khởi tố hình sự, nguyên đơn còn có yêu cầu “về dân sự Tòa xử buộc bà Trần Thị Thanh T và Nguyễn Văn C trả cho tôi số tiền gốc theo đơn kiện, lãi 1,125%/tháng từ ngày nợ cho đến ngày trả hết nợ...”, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đối với yêu cầu kháng cáo này. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nguyên đơn bà S thì yêu cầu tạm hoãn xét xử dân sự, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S đối với yêu cầu bị đơn bà Trần Thị Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C trả nợ tiền mua xe máy trả góp, Hội đồng xét xử xét thấy: Tài liệu nguyên đơn gửi kèm theo đơn khởi kiện gồm: Hợp đồng trả góp xe máy ngày 19/7/2011 (hai trang sau của hợp đồng), Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy trả góp ngày 19/7/2011, sổ hộ khẩu của bà T, tất cả đều là bản sao không có công chứng, chứng thực hợp pháp của cơ quan có thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm, nguyên đơn đều không cung cấp các bản gốc của các tài liệu trên, cấp sơ thẩm đã căn cứ Điều 91, 93, 95, 96 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn và người liên quan trả nợ mua xe trả góp số tiền 21.484.125 đồng, trong đó nợ gốc 9.000.000 đồng, nợ lãi 12.484.125 đồng là có căn cứ, đúng pháp

luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S.

[3] Về án phí: Nguyên đơn kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 93, 95, 96, 227, 228, 238 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 428 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S tại đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2012 về việc yêu cầu bà Trần Thị Thanh T và ông Nguyễn Văn C trả số tiền 21.484.125đ (hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi bốn nghìn một trăm hai mươi lăm đồng), trong đó nợ gốc 9.000.000 đồng, nợ lãi 12.484.125 đồng về khoản tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

[2] Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh S phải chịu 1.074.206đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 225.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/07423 ngày 19/10/2012 và 300.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004839 ngày 02/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Phú Yên, nên còn phải nộp 849.206đ (Tám trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm lẻ sáu đồng).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND Tp T; (2)
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS TP T;
- P.KTNV-THA;
- Lưu:HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà

